

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÔNG CỐNG  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ - ST  
Ngày 14 - 8 - 2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Sỹ Nghiêm

2. Ông Thiệu Khắc Yên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2024/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST - HNGĐ ngày 23/7/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn T, xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Tổ 5, ấp 3A, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1990 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn T, xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2024, bản tự khai ngày 08/4/2024, ngày 23/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/01/2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình

thường đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh M không tu chí làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, bài bạc và đánh đập, thậm chí còn mua xăng về đốt cháy ba mẹ con chị. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Chị và anh M đã sống ly thân từ ngày 20/8/2020 đến nay. Hiện nay chị và 2 con đi làm và ở tại Thành phố Hồ Chí Minh còn anh M đi làm ở tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian sống ly thân hai bên không liên lạc gì với nhau. Tuy nhiên, đến ngày 22/5/2024 chị và anh M đã về nhà. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Chị và anh M có 2 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh ngày 24/9/2015 và Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 24/9/2015. Hiện nay 2 con đang ở với chị H. Hiện nay chị làm nghề buôn bán, thu nhập trung bình mỗi tháng là 10.000.000đ. Chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con nên nguyện vọng của chị khi ly hôn xin được nuôi 2 con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với anh Nguyễn Văn M:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Nguyễn Văn M. Nhưng trong thời hạn quy định anh M không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

\* *Tại Biên bản xác M ngày 28 tháng 5 năm 2024, ông Nguyễn Văn T1 - bố đẻ của anh Nguyễn Văn M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại địa phương. Sau đó anh chị vào miền Nam đi làm. Trong thời gian chung sống ở miền Nam, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế gia đình và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh M và chị H sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị H làm đơn xin ly hôn nhưng anh M không có nhà, đang làm việc tại Bắc Giang, địa chỉ cụ thể gia đình ông không nắm rõ, anh M chỉ liên lạc qua điện thoại. Ông T1 đã nhận thay các tài liệu do Tòa án gửi cho anh M và thông báo ngay lại cho anh M biết. Đến ngày 22/5/2024 anh M và chị H có về nhà. Hai bên gia đình đã phân tích, động viên, hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn còn anh M không có ý kiến gì.

Về con chung: Anh M và chị H có 2 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh ngày 24/9/2015 và Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 24/9/2015. Hiện nay 2 con đang ở với chị H.

Về tài sản chung: Anh M và chị H không có tài sản chung nên anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các văn bản tố tụng của Tòa án: Ông cam đoan sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sẽ thông báo ngay lại cho anh M biết và giao ngay lại khi anh M về nhà.

\* *Tại phiên tòa:* Chị Trần Thị H có Đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn M. Về con chung: Chị H xin được nuôi 2 con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác M thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị H và anh M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/01/2015, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị H được ly hôn anh M.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 2 cháu là Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh ngày 24/9/2015 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 24/9/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn M có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Công giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị H và anh M là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn M dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh M. Về phía anh M, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh M vẫn vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh M.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh ngày 24/9/2015 và Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 24/9/2015. Hiện nay 2 con đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con. Cháu Nguyễn Thị Ngọc Th và Nguyễn Thị Ngọc H1 cũng có nguyện vọng xin được với mẹ. Chị H làm nghề buôn bán, thu nhập trung bình mỗi tháng là 10.000.000đ, đảm bảo điều kiện nuôi 2 con. Hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn cuộc sống của 2 cháu, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con trẻ phát triển và học tập cần giao 2 con cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị H

không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao 2 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh ngày 24/9/2015 và Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 24/9/2015 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi 2 con.

Anh Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số 0002989 ngày 25/3/2024. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị H và anh M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã G;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Trịnh Thị Hà**

